

Số: /QĐ-UBND

Bình Định, ngày tháng 6 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**V/v chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác
để khai thác đất làm vật liệu san lấp phục vụ thi công
Dự án Đường ven biển tỉnh Bình Định, đoạn Cát Tiến – Diêm Vân
của Ban Quản lý dự án Giao thông tỉnh**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15/11/2017;

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp; Nghị định số 83/2020/NĐ-CP ngày 15/7/2020 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Nghị quyết số 75/NQ-HĐND ngày 11/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định về chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và PTNT tại Tờ trình số 180/TTr-SNN ngày 31/5/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để khai thác đất làm vật liệu san lấp phục vụ thi công Dự án Đường ven biển tỉnh Bình Định, đoạn Cát Tiến – Diêm Vân của Ban Quản lý dự án Giao thông tỉnh với nội dung cụ thể như sau:

1. Diện tích rừng chuyển mục đích sử dụng: 31,7 ha; trong đó mỏ đất Hóc Giăng: 12,2 ha, mỏ đất QN03: 19,5 ha.

2. Địa điểm:

- Khu vực 1 (mỏ đất Hóc Giăng): thuộc khoảnh 8, tiểu khu 253, xã Cát Tường, huyện Phù Cát.

- Khu vực 2 (mỏ đất QN03): thuộc khoảnh 6, tiểu khu 344, phường Bùi Thị Xuân, thành phố Quy Nhơn.

3. Hiện trạng:

- Khu vực 1 (mỏ đất Hóc Giàng): Hiện trạng là rừng trồng 6,63 ha, đất không có rừng 5,57 ha.

- Khu vực 2 (mỏ đất QN03): Hiện trạng là rừng trồng 19,5 ha.

4. Giới hạn bởi các điểm có tọa độ hệ VN-2000, kinh tuyến trực 108 độ 15 phút, múi chiếu 3 độ, cụ thể:

- Khu vực 1 (mỏ đất Hóc Giàng, diện tích 12,2 ha,), cụ thể:

TT	X	Y	TT	X	Y
1	593.756,00	1.547.082,00	17	594.073,57	1.546.628,89
2	593.721,12	1.546.932,63	18	594.083,79	1.546.632,86
3	593.731,00	1.546.928,00	19	594.096,59	1.546.607,62
4	593.718,09	1.546.919,65	20	594.093,00	1.546.606,00
5	593.710,00	1.546.885,00	21	594.094,51	1.546.595,83
6	593.744,00	1.546.866,00	22	594.108,00	1.546.611,00
7	593.768,00	1.546.922,00	23	594.074,00	1.546.675,00
8	593.805,00	1.546.904,00	24	594.108,00	1.546.701,00
9	593.841,00	1.546.812,00	25	594.162,00	1.546.649,00
10	593.899,69	1.546.789,33	26	594.226,00	1.546.694,00
11	593.949,62	1.546.757,84	27	594.293,00	1.546.621,00
12	593.957,00	1.546.727,00	28	594.458,00	1.546.515,00
13	593.977,00	1.546.739,00	29	594.557,00	1.546.600,00
14	593.978,26	1.546.742,17	30	594.239,00	1.546.786,00
15	594.016,42	1.546.729,04	31	593.880,00	1.546.964,00
16	594.060,17	1.546.663,41			

- Khu vực 2 (mỏ đất QN03, diện tích 19,5 ha), cụ thể:

STT	X	Y
1	598.812	1.517.579
2	599.139	1.517.623
3	599.341	1.518.030
4	598.777	1.518.052

Điều 2. Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp, hướng dẫn đơn vị liên quan và Ban Quản lý dự án Giao thông tỉnh thực hiện việc chuyển mục đích sử dụng rừng theo quy định; chỉ đạo đơn vị liên quan cập nhật diễn biến rừng và đất lâm nghiệp (Tăng/Giảm) theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Quy Nhơn, Chủ tịch UBND huyện Phù Cát, Giám đốc Ban Quản lý dự án Giao thông tỉnh và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT UBND tỉnh;
- PCT TT UBND tỉnh Nguyễn Tuấn Thanh;
- CVP, PVP NN;
- Lưu: VT, K13 (15b).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Tuấn Thanh